

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 13/2022/KDTM-PT

Ngày 24-8-2022

Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;
Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 11/2022/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2022/QĐ-PT ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 - là Chủ hộ kinh doanh K; địa chỉ: phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1980; địa chỉ: phường P, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2022).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A, địa chỉ: 042/BHB6, khu phố Bình Hòa 2, phường Tân Phước Khánh, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1987; địa chỉ: phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2022).

3. *Người kháng cáo:* Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/3/2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A (sau đây viết tắt là Công ty A) ký Hợp đồng cung cấp thực phẩm ngày 04/6/2021. Theo hợp đồng, nguyên đơn bán cho bị đơn các mặt hàng thực phẩm tươi sống: Cá, heo, trâu, bò, gà, dùng cho bếp ăn công nghiệp theo đơn đặt hàng và bảng báo giá của hai bên. Hai bên thỏa thuận giá thực phẩm từng loại khi đặt hàng, thời gian thanh toán 01 tháng 01 lần; nguyên đơn sẽ gửi bảng đối chiếu công nợ và bị đơn sau khi kiểm tra đối chiếu sẽ thanh toán dứt điểm công nợ cho nguyên đơn vào ngày 30 của tháng sau. Hai bên có cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, nếu bên nào làm sai thì bên đó phải bồi thường tổn thất do bên đó gây ra cho bên bị thiệt hại.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã bán hàng cho bị đơn nhiều lần trong tháng 6, tháng 7 và tháng 9, chốt công nợ vào cuối tháng. Cụ thể:

- Công nợ tháng 6 (04/6/2021 đến ngày 30/6/2021) là 475.573.988 đồng, được xác định bằng bảng kê chi tiết bán hàng tháng 6 ngày 30/6/2021 và các phiếu xuất kho của Hộ kinh doanh K. Công nợ tháng 6 đã được bị đơn thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng vào ngày 07/9/2021.

- Công nợ tháng 7 (01/7/2021 đến ngày 28/7/2021) là: 806.824.197 đồng được xác định bằng bảng kê chi tiết bán hàng tháng 7 ngày 31/7/2021 và các phiếu xuất kho của Hộ kinh doanh K.

- Công nợ tháng 9 (15/9/2021 đến ngày 30/9/2021) là: 297.504.723 đồng được xác định bằng bảng kê chi tiết bán hàng tháng 9 ngày 30/9/2021 và các phiếu xuất kho của Hộ kinh doanh K.

Đối với công nợ tháng 7 và tháng 9 năm 2021 là 1.104.328.920 đồng, bị đơn chỉ mới thanh toán 300.000.000 đồng qua chuyển khoản ngân hàng (ngày 28/10/2021 chuyển 200.000.000 đồng và ngày 19/11/2021 chuyển 100.000.000 đồng). Như vậy, tổng số tiền hàng mà bị đơn Công ty A còn nợ nguyên đơn ông T là 804.328.920 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện. Đến ngày 29/11/2021, Công ty A gửi cho nguyên đơn “Lịch thanh toán công nợ” với nội dung xác nhận số tiền còn nợ là 804.328.920 đồng, do điều kiện khó khăn, dịch bệnh nên đề nghị được thanh toán vào ngày 20-25 mỗi tháng với số tiền tối thiểu là 100.000.000 đồng. Sau đó bị đơn vẫn không thanh toán theo đề nghị tại văn bản trên.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ là 804.328.920 đồng; ngày 09/3/2022, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 1%/tháng đối với số tiền chưa thanh toán đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn thống nhất có ký Hợp đồng cung cấp thực phẩm ngày 04/6/2021 với nguyên đơn; bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì: Công ty A đã thanh toán cho ông Nguyễn Văn T 03 lần thông qua chuyển khoản ngân hàng (lần 01 ngày 07/9/2021 chuyển 475.573.000 đồng, lần 02 ngày 28/10/2021 chuyển 200.000.000 đồng và lần 03 ngày 19/11/2021 chuyển 100.000.000 đồng). Tổng số tiền 03 lần chuyển khoản đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 775.573.000 đồng là tiền thanh toán cho Hợp đồng cung cấp thực phẩm ngày 04/6/2021, không phân biệt thanh toán cho công nợ tháng nào.

Nguyên đơn cho rằng số tiền bị đơn chuyển cho nguyên đơn ngày 07/9/2021 là 475.573.000 đồng là thanh toán công nợ tháng 6 là không đúng vì theo hợp đồng, bên mua thanh toán dứt điểm cho bên bán vào ngày 30 của tháng sau (tức là ngày 20/7/2021). Lịch thanh toán công nợ ngày 29/11/2021 của Công ty A gửi cho ông T không phải căn cứ để xác nhận tiền hàng còn nợ, không phải căn cứ để nguyên đơn khởi kiện. Đối với những bảng kê công nợ tháng 6, 7 và tháng 9 (kèm phiếu xuất kho của Hộ kinh doanh K) đây chỉ là văn bản đơn phương của nguyên đơn, không phải căn cứ xác nhận công nợ của hai bên.

Do đó, bị đơn xác định chỉ còn nợ nguyên đơn 400.000.000 đồng, không phải 804.328.920 đồng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn đồng ý thanh toán 404.328.920 đồng và lãi suất.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định thời điểm tính lãi chậm thanh toán là từ ngày 01/11/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 26/4/2022) với mức lãi suất 1%/tháng.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 26/4/2022 đã tuyên:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh K đối với bị đơn Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A về việc thanh toán lãi chậm trả từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/10/2021.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh K đối với bị đơn Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”:

Buộc Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A phải thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh K số tiền hàng chưa thanh toán là 804.328.920 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/11/2021 đến ngày 26/4/2022 là 47.187.296 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 851.516.216 đồng (tám trăm năm mươi một triệu năm trăm mười sáu nghìn hai trăm mười sáu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 06/5/2022, Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền nợ 404.328.920 đồng và lãi suất chậm trả nợ.

Tại cấp phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo và trình bày: “Lịch thanh toán công nợ” ngày 29/11/2021 do người đại diện theo pháp luật của Công ty A ký, đóng dấu xác nhận nội dung còn nợ ông T số tiền 804.328.920 đồng; tuy nhiên, việc ký giấy xác nhận nợ chỉ là hình thức để kéo dài việc trả nợ do lúc đó điều kiện khó khăn, dịch bệnh. Thực tế Công ty A chỉ còn nợ ông T số tiền 400.000.000 đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định pháp luật, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng nào. Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi chậm trả: 804.328.920 đồng + 47.187.296 đồng, tổng cộng 851.516.216 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn Công ty A thống nhất các nội dung như sau:

Hai bên ký Hợp đồng cung cấp thực phẩm ngày 04/6/2021 về việc nguyên đơn bán cho bị đơn các mặt hàng thực phẩm tươi sống: Cá, heo, trâu, bò, gà, dùng cho bếp ăn công nghiệp theo đơn đặt hàng và bảng báo giá hai bên đã thỏa thuận. Sau khi giao hàng, hai bên đối chiếu tiền hàng, bị đơn thanh toán cho nguyên đơn vào ngày ngày 30 của tháng kế tiếp.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã bán hàng cho bị đơn từ tháng 6/2021 đến tháng 9/2021; bị đơn đã thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn 03 lần với số tiền: 475.573.988 đồng + 200.000.000 đồng + 100.000.000 đồng = 775.573.988 đồng.

[2] Hai bên không thống nhất:

Nguyên đơn trình bày: Công nợ tháng 6/2021 là 475.573.988 đồng, bị đơn thanh toán xong. Công nợ tháng 7 và tháng 9 với số tiền là 1.104.328.920 đồng, đến ngày 28/10/2021 bị đơn thanh toán 200.000.000 đồng và ngày 19/11/2021 thanh toán 100.000.000 đồng; còn nợ lại 804.328.920 đồng.

Ngày 29/11/2021, bị đơn gửi cho nguyên đơn “Lịch thanh toán công nợ” với nội dung xác nhận số tiền còn nợ là 804.328.920 đồng và đề nghị sẽ thanh toán vào ngày 20-25 mỗi tháng với số tiền tối thiểu là 100.000.000 đồng nhưng không thực hiện.

Bị đơn thừa nhận ký, đóng dấu vào lịch thanh toán công nợ ngày 29/11/2021, nội dung xác nhận nợ nguyên đơn 804.328.920 đồng nhưng mục đích nhằm kéo dài việc trả nợ, số nợ thực tế chỉ có 400.000.000 đồng.

[3] Như vậy, nguyên đơn chứng minh có việc mua bán bằng hợp đồng mua bán, chứng từ thanh toán tiền, chứng từ xác nhận nợ do chính bị đơn ký. Bị đơn chỉ nại ra duy nhất lý do theo hợp đồng “thời hạn thanh toán là ngày 30 của tháng kế tiếp”, việc ký xác nhận số tiền nợ vào ngày 29/11/2021 của bị đơn đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng; bị đơn không có bất kỳ chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Do đó, án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã U như sau:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh K đối với bị đơn Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A về việc thanh toán lãi chậm trả từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/10/2021.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh K đối với bị đơn Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A phải thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh K số tiền hàng chưa thanh toán là 804.328.920 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/11/2021 đến ngày 26/4/2022 là 47.187.296 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 851.516.216 đồng (tám trăm năm mươi một triệu năm trăm mười sáu nghìn hai trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại

3.1. Án phí sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A phải chịu 37.545.486 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh K không phải chịu, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.065.000 (mười tám triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005693 ngày 10/01/2022 và 1.005.400 (một triệu không trăm linh năm nghìn bốn trăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005805 ngày 09/3/2022.

3.2. Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp A phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005938 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã U;
- Chi cục THADS thị xã U;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa KT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Minh Đa